

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST

Ngày: 15-9-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Huy Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Dung và bà Vũ Thị Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST-KDTM ngày 22 tháng 03 năm 2022 về: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-KDTM ngày 22/06/2022; quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-KDTM ngày 20/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-KDTM ngày 19/8/2022 giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q (VIB).**

Địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà S – 111A P, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý nợ khách hàng cá nhân (Theo giấy ủy quyền số: 3.0141.17 ngày 17/01/2017) và ông Trần Thành C – chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ - Trung tâm quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ -VIB (Theo giấy ủy quyền số: 94287.21 ngày 08/11/2021)

Người được ủy quyền lại: Ông Đỗ Ngọc D, ông Hoàng Anh B và ông Nguyễn Mạnh H- Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (Theo giấy ủy quyền số: 004373.22 ngày 26/01/2022); ông Đỗ Ngọc D, ông Nguyễn Mạnh H vắng mặt tại phiên tòa; ông Hoàng Anh B; địa chỉ: Tổ 30D, khu 2B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông **Đinh Hồng V**, sinh năm: 1976 và bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm: 1984; cùng địa chỉ: Tổ 2, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1971 và bà **Đinh Thị H**, sinh năm: 1973

Cùng địa chỉ: Tổ 2, khu P, phường P, thành phố U tỉnh Quảng Ninh; ông Nguyễn Văn N có mặt tại phiên tòa, bà Đinh Thị H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Anh B trình bày:

Ngày 17/10/2011 ông Đinh Hồng V, bà Nguyễn Thị S và Ngân hàng TMCP Q đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD1-VIB48/11 Theo đó Ngân hàng TMCP Q đồng ý cho ông Đinh Hồng V, bà Nguyễn Thị S vay số tiền vay là: 400.000.000 đồng với thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất vay: 24%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng lãi suất điều chỉnh vốn kinh doanh VND kỳ hạn 03 tháng + biên độ sinh lời tối thiểu 5.0%/năm, chịu sự điều chỉnh theo CSLS của VIB trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh nhôm kính, cửa cuốn, điện nước và sinh vật cảnh.

Để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Q, ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S đã sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thế chấp cho Ngân hàng, cụ thể theo hợp đồng thế chấp như sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0260/HĐTC1-VIB48/11/BĐ ký kết giữa bên thế chấp ông Nguyễn Văn N và bà Đinh Thị H với Ngân hàng TMCP Q. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số: G 562530 sổ vào sổ: 25/QSĐĐ do UBND thị xã U (nay là thành phố U) cấp ngày 10/02/1996 mang tên ông Nguyễn Văn N; Vị trí tài sản: Tổ 2, khu P, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 20/4/2017 đại diện Ngân hàng TMCP Q đã làm việc với bên thế chấp là bà Đinh Thị Hà về việc bên vay ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng VIB theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng VIB thường xuyên đôn đốc khách hàng trả nợ nhưng bên vay ông V và bà S không đủ khả năng trả nợ dẫn đến khoản vay chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 19/10/2012. Quá trình thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Q ông V và bà S đã trả được số tiền nợ gốc là 227.158.576 đồng.

Tổng dư nợ tính đến ngày 15/9/2022 của ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S là **840.914.105 đồng**

Trong đó:

+ Nợ gốc: 172.841.424 đồng

+ Nợ lãi: 0 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 668.072.681 đồng

Khoản nợ của ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S đã chuyển nợ xấu.

Nay Ngân hàng có quan điểm như sau:

1. Yêu cầu ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S phải trả cho ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2022 là 840.914.105 đồng trong đó

gồm nợ gốc 172.841.424 đồng, lãi trong hạn 0 đồng, lãi quá hạn 668.072.681 đồng và tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S thanh toán toàn bộ khoản vay.

2. Ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

3. Trong trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà số tiền thu được không đủ trả nợ thì ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S vẫn phải tiếp tục trả nợ số tiền còn lại cho Ngân hàng TMCP Q.

Tại bản tự khai người có quyền lợi Vụ liên quan ông Nguyễn Văn N và bà Đinh Thị H trình bày:

Ngày 17/10/2011 vợ chồng tôi và Ngân hàng TMCP Q có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0260/HĐTC1-VIB48/11/BĐ để đảm bảo cho khoản vay của ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số: G 562530 số vào sổ: 25/QSĐĐ do UBND thị xã Uông Bí (nay là thành phố Uông Bí) cấp ngày 10/02/1996 mang tên Nguyễn Văn N. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V và bà S phải trả toàn bộ khoản vay, quan điểm của chúng tôi là vợ chồng tôi cùng với ông V, bà S trả số tiền 350.000.000 đồng cho Ngân hàng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không còn đủ khả năng trả nợ nên xin Ngân hàng TMCP Q miễn giảm một phần nợ lãi. Nếu Ngân hàng không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật cho ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S, tuy nhiên ông V và bà S vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ không hợp tác, không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/4/2022 xác định:

- Diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 360 m².
- Tổng diện tích đất đang sử dụng thực tế là: 360 m² (có 200 m² đất ở và 160 m² đất trồng cây lâu năm)
- Hiện trạng: Đã xây dựng nhà 01 tầng mái ngói diện tích: 78 m², sân lợp mái tôn diện tích: 181 m²

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi Vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và Vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 73 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và Vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S phải trả cho Ngân hàng TMCP Q các khoản nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc được yêu cầu **xử lý** tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông V, bà S không trả được nợ. Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm chưa đủ trả nợ thì ông V, bà S vẫn phải tiếp tục trả nợ số tiền còn lại cho Ngân hàng TMCP Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến, quan điểm của đương sự và đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP Q khởi kiện ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD1-VIB48/11 ngày 17/10/2011. Xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố U thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định khoản 1 Điều 30; điểm **b** khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông V, bà S và bà H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ Điều 429 BLDS 2015 quy định “*thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*”. Như vậy, thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng bị xâm phạm là từ ngày 19/10/2012 khi khoản vay chuyên nợ quá hạn sau 3 năm là ngày 19/10/2015. Căn cứ quy định nêu trên thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đã hết.

Tại khoản 2 Điều 149 BLDS và khoản 2 Điều 184 BLTTDS đều quy định Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không xem xét việc áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2.2] Về hợp đồng tín dụng và yêu cầu trả nợ.

Đối với hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD1-VIB48/11 ngày 17/10/2011 giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Đinh Hồng V, bà Nguyễn Thị S được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng nêu trên có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm ký kết.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết; theo khế ước nhận nợ số 0260/HĐTD1-VIB48/11 ngày 19/10/2011, ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S đã nhận nợ số tiền 400.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng kể từ khi vay vốn cho đến ngày 29/6/2021, ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S đã trả được nợ gốc 227.158.576 đồng, trả lãi 86.822.333 đồng và lãi phạt 30.362.587 đồng.

Do ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 19/10/2012. Căn cứ vào các Điều 1,4 của hợp đồng tín dụng quy định về điều kiện vay, trả nợ gốc và lãi thì đến thời điểm hiện nay hợp đồng đã hết thời hạn. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Q yêu cầu ông V và bà S phải trả tính đến ngày 15/9/2022 là: 840.914.105 đồng trong đó gồm nợ gốc 172.841.424 đồng, lãi trong hạn 0 đồng, lãi quá hạn: 668.072.681 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng cho vay đến ngày ông V và bà S thanh toán được toàn bộ khoản vay là đúng theo quy định pháp luật.

Từ các căn cứ nêu trên, nên yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp luật định nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0260/HĐTC1-VIB48/11/BĐ ngày 17/10/2011 đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số: G 562530 sổ vào sổ: 25/QSĐĐ do UBND thị xã U (nay là thành phố U) cấp ngày 10/02/1996 mang tên ông Nguyễn Văn N; vị trí tài sản: Tổ 2, khu P, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh được ký kết giữa bên thế chấp ông Nguyễn Văn N và bà Đinh Thị H với bên nhận thế chấp ngân hàng TMCP Q là hoàn toàn tự nguyện, được thực hiện tại Văn phòng Công chứng số 3, tỉnh Quảng Ninh và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố U đã đảm bảo đúng trình tự thủ tục, việc ký kết không bị ép buộc, nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật có hiệu lực, cần được thực hiện.

Do đó nếu ông V và bà S không thanh toán khoản tiền trên thì Ngân hàng đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để đảm bảo khoản vay của ông V và bà S cũng như trường hợp số tiền xử lý tài sản bảo đảm thế chấp không đủ trả nợ và các chi phí phát sinh khác thì ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ số tiền còn lại cho Ngân hàng TMCP Q là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Số tiền này Ngân hàng TMCP Q đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/4/2022 nên ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho Ngân hàng TMCP Q.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; **khoản 2 Điều 184**; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- **Khoản 2 Điều 149**; Điều 357; Điều 429; Điều 466; Điều 468 và **Điều 688** Bộ luật dân sự 2015;

- **Điều 91 và Điều 95** Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S.

- Buộc ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S phải trả cho Ngân hàng TMCP Q (VIB) tổng số tiền tính đến ngày 15/9/2022 là: 840.914.105đ (Tám trăm bốn mươi triệu chín trăm mười bốn nghìn một trăm linh năm đồng) trong đó nợ gốc 172.841.424đ (Một trăm bảy mươi hai triệu tám trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm hai mươi tư đồng), lãi trong hạn 0 đồng, lãi quá hạn: 668.072.681đ (Sáu trăm sáu mươi tám triệu không trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi một đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là từ ngày: 16/9/2022 cho đến khi trả hết số tiền nợ trên, ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo hợp đồng tín dụng số 0260/HĐTD1-VIB48/11 ngày 17/10/2011 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S không trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số G 562530 số vào sổ: 25/QSĐĐ do UBND thị xã U (nay là thành phố U) cấp ngày 10/02/1996 mang tên ông Nguyễn Văn N, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0260/HĐTC1-VIB48/11/BĐ ngày 17/10/2011 để thu hồi nợ.

- Trường hợp số tiền xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ và các chi phí phát sinh khác thì ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

2. Về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ:

Ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) (Số tiền này Ngân hàng TMCP Q đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/4/2022, nên ông Đinh Hồng V và bà

Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP Q.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S không trả đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP Q có quyền nộp đơn yêu cầu thi hành án, ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đinh Hồng V và bà Nguyễn Thị S phải chịu 37.227.423đ (Ba mươi bảy triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí là **17.786.000đ** (bằng chữ: Mười bảy triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng), theo biên lai số 0006787, ngày 22/03/2022 của Chi cục Thi hành án thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND TP Uông Bí.
- Chi cục THADS TP Uông Bí.
- Các đương sự.
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Huy Hùng